

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án đào tạo, giải quyết việc làm
và chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc các hộ dân nghèo đất
cho dự án trong Khu kinh tế Dung Quất giai đoạn đến năm 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về giải quyết việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 71/2005/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ học nghề cho lao động nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt chương trình mục tiêu việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Chương trình mục tiêu việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh định mức phân bổ chi sự nghiệp dạy nghề tại Quyết định số 33/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của UBND tỉnh Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2011 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 663-TB/TU ngày 05/11/2013 về Đề án đào tạo, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc các hộ dân nhường đất cho dự án trong Khu kinh tế Dung Quất giai đoạn đến năm 2015;

Xét đề nghị của Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất tại Tờ trình số 67/TTr-BQL ngày 05/12/2013 về việc xem xét việc phê duyệt Đề án đào tạo, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc các hộ dân nhường đất cho dự án trong Khu kinh tế Dung Quất giai đoạn đến năm 2015 và trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 06/HĐND-KTNS ngày 08/01/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đào tạo, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc các hộ dân nhường đất cho dự án trong Khu kinh tế Dung Quất giai đoạn đến năm 2015 (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất phối hợp với các sở, ban, ngành, các hội, đoàn thể tỉnh và các cấp chính quyền triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công cụ thể tại mục II phần III của Đề án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn và UBND huyện Sơn Tịnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

**Đào tạo, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề cho lao động
thuộc các hộ dân nhường đất cho dự án trong Khu kinh tế Dung Quất
giai đoạn đến năm 2015**

*(Kèm theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 10/02/2014
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết xây dựng đề án:

Khu kinh tế Dung Quất được thành lập năm 2006, trên cơ sở phát triển từ Khu Công nghiệp Dung Quất (được thành lập năm 1996), gồm diện tích của 9 xã là Bình Chánh, Bình Thạnh, Bình Đông, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Hải, Bình Phú, Bình Hòa và Bình Phước của huyện Bình Sơn, có diện tích 10.300 ha. Ngày 20/11/2011 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 124/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 từ 10.300ha lên 42.300ha. Đến nay, Khu kinh tế đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 113 dự án, với số vốn trên 8 tỷ USD, số vốn thực hiện gần 4,85 tỷ USD, chiếm 60% tổng vốn đăng ký; 70 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, thu hút hơn 12.000 lao động làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp và hơn 3.500 lao động làm việc trong các lĩnh vực xây dựng, dịch vụ... Cơ sở hạ tầng được xây dựng tương đối đồng bộ, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư và nhân dân trong vùng.

Khu kinh tế Dung Quất đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế Quốc tế. Năm 2012, giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại đạt 129.000 tỷ đồng, hàng hóa thông qua cảng đạt 13,5 triệu tấn, kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 357 triệu USD, thu ngân sách đạt 16.600 tỷ đồng, năm 2013, giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại đạt 130.000 tỷ đồng, hàng hóa thông qua cảng đạt 14 triệu tấn, kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 450 triệu USD, thu ngân sách đạt 24.000 tỷ đồng; Từ đó, đưa tỉnh Quảng Ngãi nằm trong top 10 tỉnh thành có nguồn thu ngân sách lớn nhất cả nước. Khu kinh tế Dung Quất đang trở thành điểm sáng về đầu tư phát triển công nghiệp, là động lực phát triển tỉnh Quảng Ngãi, miền Trung và Tây Nguyên.

Từ năm 1997 đến nay, trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất đã thực hiện trên 200 phương án bồi thường, thu hồi trên 3.500 ha đất của 7.622 hộ gia đình, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống trên 28.000 nhân khẩu, trong đó đặc biệt trong năm 2013 khởi công dự án VSIP giai đoạn I, đã thu hồi 458ha đất của 2.050 hộ. Để ổn định cuộc sống cho nhân dân, tại Khu kinh tế Dung Quất đã xây dựng 17 Khu tái định cư và cụm dân cư, thực hiện di dời gần 2.000 hộ, với 6.000 khẩu, trong đó phải chuyển vào các khu tái định cư và cụm dân cư là 1.500 hộ, với 5.000 khẩu.

Mặt dù được sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước, của các nhà đầu tư chi trả tiền đền bù và hỗ trợ đối với các hộ dân thuộc diện bị thu hồi đất, về đào tạo nghề, giải quyết việc làm, an sinh xã hội... Tuy nhiên, do di chuyển chỗ ở, môi trường sống bị thay đổi, nhân dân chưa thích ứng kịp thời; tình trạng người lao động thiếu đất sản xuất dẫn đến thất nghiệp, thiếu việc làm, thu nhập không ổn định,... đã làm thay đổi cuộc sống, sinh hoạt thường ngày của hàng ngàn hộ gia đình, đời sống một bộ phận nhân dân gặp nhiều khó khăn. Đây cũng là yếu tố làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội của nhân dân trong vùng.

Để giải quyết những bất cập, tồn tại nêu trên; việc xây dựng triển khai thực hiện **“Đề án đào tạo, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc các hộ dân nhường đất cho dự án trong Khu kinh tế Dung Quất giai đoạn đến năm 2015”** là hết sức cần thiết nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân trong vùng; làm cơ sở nền tảng đầu tư, phát triển ổn định, bền vững Khu kinh tế Dung Quất trong giai đoạn mới.

2. Phạm vi, đối tượng và thời gian áp dụng:

2.1. Phạm vi: Lao động thuộc các hộ gia đình có đất bị thu hồi hết hoặc thu hồi một phần diện tích (ít nhất 30% diện tích đất đang sử dụng bị thu hồi) để thực hiện các dự án trên địa bàn 9 xã trong Khu kinh tế Dung Quất, 02 khu tái định cư Bình Thanh Tây thuộc huyện Bình Sơn, Tĩnh Hoà thuộc huyện Sơn Tịnh và vùng dự án Khu công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi giai đoạn I.

2.2. Đối tượng: Người lao động (trong độ tuổi 13 - 55(60) tại thời điểm thực hiện đề án) thuộc các hộ gia đình có đất bị thu hồi hết hoặc thu hồi một phần diện tích (ít nhất 30% diện tích đất đang sử dụng bị thu hồi), bao gồm:

- Lao động có nhu cầu đào tạo nghề;
- Lao động có nhu cầu giải quyết việc làm;
- Lao động có nhu cầu chuyển đổi ngành, nghề.

2.3. Thời gian thực hiện: Đề án triển khai thực hiện từ năm 2014 đến cuối năm 2018, do quá trình đào tạo cao đẳng, trung cấp dài hạn có thời gian 03 năm, nên đối tượng được đào tạo vào năm cuối sẽ kéo dài thêm 02 năm.

3. Những căn cứ pháp lý xây dựng Đề án:

- Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư;

- Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về giải quyết việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 71/2005/QĐ-TTg;

- Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ học nghề cho lao động nông thôn;

- Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

- Thông tư Liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

- Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp;

- Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 20/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025;

- Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về đẩy mạnh phát triển Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 13/10/2011 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt chương trình mục tiêu việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015;

- Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Chương trình mục tiêu việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015;

- Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh định mức phân bổ chi sự nghiệp dạy nghề tại Quyết định số 33/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của UBND tỉnh Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2011 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới;

- Thông báo số 663-TB/TU ngày 05/11/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án đào tạo, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc các hộ dân nhượng đất cho dự án trong Khu kinh tế Dung Quất giai đoạn đến năm 2015;

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1395/UBND-CNXD ngày 23/5/2011 về việc triển khai một số nhiệm vụ đào tạo, giải quyết việc làm cho lao động thuộc các hộ dân nhượng đất cho dự án trong Khu kinh tế Dung Quất.

PHẦN THỨ I
THỰC TRẠNG VỀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM TẠI
CÁC HỘ DÂN VÙNG DỰ ÁN VÀ NĂNG LỰC ĐÀO TẠO

I. Thực trạng về lao động, việc làm và năng lực đào tạo nghề:

1. Thực trạng về lao động và việc làm:

1.1. Thực trạng về đời sống, sinh hoạt của người dân trong vùng.

Phần lớn dân cư trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất chủ yếu sống bằng các nghề truyền thống là nông nghiệp và đánh bắt hải sản. Diện tích đất sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp bình quân đạt 0,38 ha/lao động; trong đó diện tích đất trồng cây hằng năm bình quân 0,27 ha/lao động nông nghiệp. Trong quy hoạch phát triển Khu kinh tế Dung Quất, diện tích đất nông nghiệp của khu vực này giảm khoảng 3.500 ha (0,093ha/lao động) nên diện tích bình quân/lao động nông nghiệp chỉ còn khoảng 0,187 ha/lao động, nhiều khu vực nhân dân bị thu hồi hết đất không còn để sản xuất.

Do tác động của quá trình đầu tư phát triển Khu kinh tế Dung Quất nên có một bộ phận dân cư phải tái định cư nơi ở mới, chuyển đổi ngành nghề cũ sang lao động thủ công, thương mại, dịch vụ tại chỗ, một bộ phận lao động được đào tạo nghề và có việc làm ổn định trong các doanh nghiệp. Bên cạnh đó vẫn còn nhiều lao động trong độ tuổi có học vấn thấp, chưa thích ứng kịp thời với lao động công nghiệp, nhất là những hộ gia đình bị thu hồi đất, người lớn tuổi, hộ gia đình di dời vào các khu tái định cư, nên thu nhập giảm sút, đời sống vô cùng khó khăn (thu nhập thấp, bình quân khoảng từ 8 - 12 triệu đồng/người/năm), người dân thiếu vốn để đầu tư vào sản xuất. Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, không sử dụng hết quỹ thời gian lao động trong nông nghiệp là tình trạng chung của lao động trong vùng. Trong trồng trọt, chăn nuôi hiệu quả chưa cao, do chưa vận dụng và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất trên đầu diện tích. Từ đó, yêu cầu về chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, đào tạo và giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển đổi ngành nghề cho cư dân trong vùng là cấp thiết.

1.2. Thực trạng về lao động và việc làm của người dân trong vùng.

a. Đối với các xã trong Khu kinh tế Dung Quất:

Theo kết quả điều tra tại 09 xã trong Khu kinh tế Dung Quất và 02 khu tái định cư Bình Thanh Tây thuộc huyện Bình Sơn, Đông Hoà thuộc xã Tịnh Hoà, huyện Sơn Tịnh, tính đến thời điểm 31/12/2010 (Theo phụ lục số 1).

a.1. Dân số và lao động: Có 22.127 hộ, với 78.412 nhân khẩu. Trong đó: Số lao động trong độ tuổi từ 16-55(đối với nữ) và 16-60(đối với nam) là 48.558 người; độ tuổi từ 16-35 là 29.590 người; trong đó nữ là 14.494 người, nam là 15.096 người.

a.2. Trình độ học vấn và chuyên môn: (chỉ phân tích nhóm tuổi từ 16-55(60) của 48.558 người:

- Trình độ học vấn:

+ Tốt nghiệp THPT: có 10.785 người; trong đó, độ tuổi từ 18-35 là 9.338 người, độ tuổi từ 36-45 là 886 người.

+ Tốt nghiệp THCS (bao gồm những người đang học): có 20.595 người; trong đó, độ tuổi từ 16-35 là 14.182 người, độ tuổi từ 36-45 là 4.681 người.

+ Lao động chưa tốt nghiệp THCS (không bao gồm số đang học) hết học là 17.178 người; trong đó, độ tuổi từ 16-35 là 6.007 người; độ tuổi từ 36-45 là 3.756 người.

- Trình độ chuyên môn:

+ Lao động đã qua đào tạo nghề (kể cả đang học chuyên môn) có 10.066 người; trong đó, độ tuổi từ 16-35 là 8.957 người, độ tuổi từ 36-45 là 711 người.

+ Lao động chưa qua đào tạo nghề là 35.815 người; trong đó, có nhu cầu đào tạo nghề từ 16-35 là 4.984 người, độ tuổi từ 36-45 là 123 người.

a.3. Cơ cấu lao động theo ngành nghề đang làm từ 18-55(60) là 36.112 người; trong đó:

- Lao động sản xuất nông nghiệp: 11.803 người, chiếm tỷ lệ 32,69%;
- Lao động làm nghề ngư nghiệp: 5.657 người, chiếm tỷ lệ 15,67%;
- Lao động kinh doanh dịch vụ: 3.695 người, chiếm tỷ lệ 10,23%;
- Cán bộ viên chức: 1.959 người, chiếm tỷ lệ 05,42%;
- Công nhân: 4.617 người, chiếm tỷ lệ 12,79%;
- Lao động công việc gia đình: 4.613 người, chiếm tỷ lệ 12,77%;
- Lao động khác: 3.768 người, chiếm tỷ lệ 10,43%;

a.4. Lao động chưa có việc làm và việc làm không ổn định từ 16-55(60) là 14.527 người; trong đó, số lao động đã qua đào tạo nghề là 1.966 người (có phụ lục số 2 chi tiết ngành nghề kèm theo).

b. Đối với các hộ dân thuộc dự án VSIP Quảng Ngãi giai đoạn I:

Theo kết quả điều tra sơ bộ và dự báo (hiện đang điều tra chi tiết cụ thể) vùng dự án VSIP Quảng Ngãi giai đoạn I, tính đến thời điểm 31/12/2013, số liệu dân số và lao động như sau:

- Dân số và lao động: Có 2.050 hộ, với 8.120 nhân khẩu. Trong đó: trong độ tuổi từ 16-55(đối với nữ) và 16-60(đối với nam) là 5.280 người.

- Lao động độ tuổi từ 16-55(60) chưa qua đào tạo nghề là 3.600 người (không bao gồm những người đang học phổ thông), trong đó có nhu cầu đào tạo nghề khoảng 750 người, có nhu cầu giải quyết việc làm khoảng 700 người.

- Lao động đã qua đào tạo nghề (bao gồm đang học chuyên môn) có 1.200 người, trong đó, có nhu cầu giải quyết việc làm khoảng 250 người.

- Lao động có nhu cầu chuyển đổi ngành nghề: Số hộ gia đình đang sản xuất nông nghiệp có nguyện vọng chuyển đổi sang công nghiệp và dịch vụ là 150 hộ.

c. Đối với các hộ gia đình bị thu hồi đất trong KKT Dung Quất (10.300ha) tính đến năm 2012.

Theo kết quả điều tra năm 2010 và phân tích sự tăng - giảm cơ học; tính đến tháng 12/2012, có số liệu như sau:

- Tổng số lao động trong độ tuổi từ 16-55(60) là 13.115 người; trong đó, độ tuổi từ 16-35 là 7.915 người, độ tuổi từ 36-55(60) là 5.200 người.

- Lao động độ tuổi từ 16-55(60) chưa qua đào tạo nghề là 8.842 người (không bao gồm những người đang học phổ thông).

- Lao động đã qua đào tạo nghề (bao gồm đang học chuyên môn) có 2.618 người; trong đó, độ tuổi từ 16-35 là 2.359 người, độ tuổi từ 36-55(60) là 259 người.

d. Xác định nhu cầu về đào tạo, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề của lao động bị thu hồi đất:

Như mục tiêu của Đề án đã được xác định là thực hiện công tác đào tạo, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề cho lao động các hộ gia đình bị thu hồi đất. Vì vậy, nội dung đề án sẽ tập trung phân tích đối với 7.622 hộ bị thu hồi đất.

d.1. Lao động chưa qua đào tạo (chưa có việc làm và việc làm không ổn định) có nguyện vọng học nghề:

Độ tuổi	KKT Dung Quất		Dự án VSIP	Tổng cộng
	TN cấp 2	TN cấp 3		
16-35	1.282	286	720	2.359
36-45	55	3	30	102
Tổng	1.337	289	750	2.461

Ngoài ra, hàng năm các em tốt nghiệp trung học cơ sở không có điều kiện học tiếp trung học phổ thông và tốt nghiệp trung học phổ thông không có điều kiện học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có nhu cầu đào tạo nghề khoảng 400 em.

d.2. Lao động đã qua đào tạo chưa có việc làm và việc làm không ổn định cần được giải quyết việc làm (*chi tiết ngành nghề tại phụ lục số 3*):

- Đối với các hộ dân thuộc 9 xã trong Khu kinh tế Dung Quất (10.300ha):

Trình độ/Độ tuổi	16-35	36-45	Tổng
Đại học	65	1	66
Cao đẳng	107	4	111
Trung cấp	294	12	306
Sơ cấp	60	10	70
Truyền thống	25	14	39
Tổng cộng	551	41	592

- Đối với các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án VSIP: Lao động đã qua đào tạo nghề có nhu cầu giải quyết việc làm khoảng 250 người.

d.3. Lao động chưa qua đào tạo (chưa có việc làm, việc làm không ổn định và không có nguyện vọng học nghề) có nhu cầu giải quyết việc làm:

- Đối với các hộ dân thuộc 9 xã trong Khu kinh tế Dung Quất (10.300ha):

Độ tuổi	Chưa TN C2	TN cấp 2	Hết lớp 12	TN cấp 3	Tổng cộng
16-35	438	266	13	33	750
36-45	458	407	10	18	893
Tổng	896	673	23	51	1.643

- Đối với các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án VSIP: Lao động phổ thông có nhu cầu giải quyết việc làm khoảng 700 người.

d.4. Số hộ có nhu cầu chuyển đổi ngành nghề: Qua điều tra, số hộ gia đình có nguyện vọng chuyển đổi ngành nghề là 656 hộ, trong đó Khu kinh tế Dung Quất: 456 hộ, dự án VSIP: 200 hộ.

*** Như vậy, qua số liệu phân tích nêu trên, nhiệm vụ trọng tâm và là mục tiêu của đề án:**

- Thực hiện đào tạo cho lao động có trình độ tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên, chưa qua đào tạo nghề và có nguyện vọng đào tạo nghề là 2.461 người, cùng với nhu cầu đào tạo phát sinh hàng năm khoảng 400 người (3 năm là 1.200 lao động). Tổng cộng là 3.661 lao động (d.1).

- Lao động đã qua đào tạo chưa có việc làm và việc làm không ổn định cần được giải quyết việc làm là 842 người (d.2), trong đó Khu kinh tế Dung Quất: 592 người, dự án VSIP: 250 người.

- Lao động phổ thông có nhu cầu giải quyết việc làm là 2.343 người (d.3), trong đó Khu kinh tế Dung Quất: 1.643 người, dự án VSIP: 700 người.

- Số hộ có nhu cầu chuyển đổi ngành nghề là 656 hộ (d.4).

2. Về năng lực đào tạo nghề:

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 37 cơ sở đào tạo nghề và đào tạo chuyên môn nghiệp vụ với 4 cấp độ từ sơ cấp đến đại học; hàng năm thực hiện đào tạo cho ra trường trên 20.000 lao động. Hệ thống trang thiết bị và đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy.

Trên địa bàn huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh: Có Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Dung Quất, Trường cao đẳng kỹ thuật công nghệ, Trường trung cấp nghề, Trung tâm đào tạo nghề kỹ thuật cao Dung Quất và Trung tâm Dạy nghề - Giáo dục - Hướng nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đào tạo bổ túc văn hóa và đào tạo nghề sơ cấp, hàng năm nhận đào tạo khoảng 5.000 học viên, với trên 10 ngành nghề. Ngoài ra, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn không chỉ được mở rộng rãi tại các cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh mà còn mở nhiều lớp tại các địa bàn xã.

Các chương trình khuyến nông - lâm - ngư, chuyển giao kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và nhiều chương trình khác được thực hiện lồng ghép triển khai thường xuyên đến các hộ dân trên địa bàn.

II/ Đánh giá về những kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân về đào tạo, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề thời gian qua

1. Kết quả đạt được:

1.1. Công tác đào tạo nghề và chuyển đổi ngành nghề:

Công tác đào tạo nghề được Nhà nước, cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh đặc biệt quan tâm. Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách mới; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành nhiều nghị quyết, quyết định về lĩnh vực đào tạo nghề phát triển

nguồn nhân lực, thành lập mới một số trường, trung tâm đào tạo nghề, đầu tư kinh phí, trang thiết bị; đào tạo mới, đào tạo nâng cao đội ngũ giảng viên, nâng cao chất lượng giảng dạy để người lao động ra trường đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

Đến nay, các trường và cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh đảm bảo năng lực đào tạo đáp ứng đủ lao động cho quá trình đầu tư phát triển của tỉnh và một phần giới thiệu đi xuất khẩu lao động, đi làm việc các địa bàn trong toàn quốc. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã có nhiều khởi sắc, mang lại hiệu quả thiết thực; những quy trình sản xuất, tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được áp dụng vào sản xuất và chăn nuôi, nâng cao hiệu quả, tạo được nhiều việc làm mới, thêm việc làm, thực hiện tốt chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi ngành nghề các hộ gia đình trong Khu kinh tế Dung Quất, nhất là các hộ dân trong các khu tái định cư, hộ gia đình bị thu hồi đất phục vụ các dự án.

Trước đây, các xã phía đông huyện Bình Sơn chỉ sản xuất thuần nông, trong thời gian 10 năm trở lại, đã có chuyển dịch tích cực từ nông nghiệp sang các ngành thương mại và dịch vụ, với trên 10% lao động tham gia, thu nhập gần 30% tổng thu nhập của nhân dân trên địa bàn (không so sánh với giá trị sản xuất công nghiệp). Các dịch vụ vận tải, cho thuê nhà, ăn uống, kinh doanh buôn bán nhỏ... phát triển đáng kể, cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân và lao động. Công tác sản xuất và chăn nuôi đã áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác chuyển giao công nghệ từng bước phát huy và mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

1.2. Công tác giải quyết việc làm:

Ngoài sản xuất nông - ngư nghiệp truyền thống của nhân dân trên địa bàn, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất đã tích cực làm việc với các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp nhận giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất. Đến nay, có trên 3.500 lao động các xã trong Khu kinh tế trong tổng số 7.000 lao động của huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh hiện đang làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp tại Khu kinh tế Dung Quất và Khu công nghiệp Tịnh Phong.

Đối với lao động trẻ, có trình độ học vấn, thích ứng nhanh với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và ngành nghề đa số có việc làm thu nhập ổn định và ngày càng phát triển. Riêng đối với lao động lớn tuổi, trình độ hạn chế, nhất là các hộ gia đình bị thu hồi đất, cư trú trong các khu tái định cư tiếp tục khó khăn.

2. Những tồn tại và nguyên nhân:

- Trong những năm qua, khi thực hiện đền bù thu hồi đất chưa gắn kết với công tác đào tạo nghề, chuyển đổi ngành nghề và giải quyết việc làm cho nhân dân. Công tác chuyển đổi ngành, nghề diễn ra chậm, chủ yếu là chuyển sang thương mại, dịch vụ, nhưng đây là những trường hợp đơn lẻ, thu nhập không ổn định. Công tác khuyến nông - lâm - ngư chưa thật sự đến với người dân nên sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp chưa có sự chuyển biến đáng kể, giá trị sản xuất và thu nhập nhân dân còn thấp, đời sống nhân dân không ổn định, nhiều lao động thiếu việc làm.

- Ngoài số diện tích đã thu hồi có bồi thường, trong số diện tích còn lại có một số diện tích không nhỏ không thể sản xuất được vì lý do ngập úng, thiếu nước tưới,...

Công tác đào tạo và giải quyết việc làm cho nhân dân trong vùng dự án bị di dời giải tỏa chủ yếu vẫn là tự lực của bản thân người lao động và gia đình, chưa có chính sách ưu tiên, các doanh nghiệp cũng chưa thực hiện ưu tiên tạo nhiều chỗ làm việc cho lao động bị thu hồi đất, nhất là những doanh nghiệp lớn; tiền lương và thu nhập của một số doanh nghiệp còn thấp.

- Nhìn chung, lao động trong vùng đã có sự chuyển đổi một bước từ sản xuất nông - ngư nghiệp sang sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, trong lĩnh vực dịch vụ của nhân dân sở tại còn manh mún, giá trị đầu tư thấp, thu nhập không ổn định. Mặt khác, do quá trình công nghiệp hóa nhanh, với tư duy sản xuất nhỏ, trình độ học vấn hạn chế nên một bộ phận nhân dân, nhất là những người lớn tuổi chưa thích ứng kịp thời với sự thay đổi cơ cấu sản xuất, từ đó khó tìm được việc làm.

- Đa số nhà ở, đất của nhân dân đều nằm trong vùng dự án đang chờ di dời, giải tỏa, nhân dân không yên tâm đầu tư sản xuất; một số đối tượng có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào khoảng tiền đền bù mà không tự vươn lên cũng là nguyên nhân tác động đến đời sống và việc làm của nhân dân trong vùng.

- Công tác đào tạo nghề được thực hiện theo diện rộng, thu hút được nhiều người học. Tuy nhiên, việc hướng nghiệp dạy nghề vẫn chưa được chú ý đúng mức, đào tạo chưa gắn kết với nhu cầu sử dụng, chưa đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, thiếu sự gắn kết dẫn đến tình trạng thiếu lao động có trình độ kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; trong khi nhiều ngành nghề đã bão hòa, thị trường ít nhu cầu nhưng vẫn được đào tạo. Thực tế cho thấy, hiện nay trong khu kinh tế có gần 2.000 lao động được đào tạo ra trường không tìm được việc làm (*theo phụ lục số 2*).

PHẦN THỨ II

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Định hướng phát triển và thu hút lao động tại Dung Quất:

- Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 24/6/2011 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 15/2011/NQ-HĐND ngày 13/12/2010 của HĐND tỉnh, Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về đẩy mạnh phát triển Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020. Định hướng phát triển Khu kinh tế Dung Quất tiếp tục phát triển mạnh các ngành công nghiệp, trọng tâm là thu hút đầu tư trên các lĩnh vực lọc hóa dầu, cơ khí chế tạo, luyện cán thép, đóng tàu và một số ngành công nghiệp chủ lực khác theo quy hoạch gắn với lợi thế phát huy cảng biển nước sâu; phấn đấu đến năm 2015 thu hút đầu tư đạt 13 tỷ USD, giải quyết việc làm cho khoảng 20.000 lao động.

- Dự báo nhu cầu lao động tại Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2015:

Trên cơ sở số dự án đã được cấp phép đầu tư hiện nay, khả năng thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2015 và xu hướng phát triển những ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp nặng trong thời gian đến; dự báo nguồn lực và cơ cấu trình độ, ngành nghề lao động tại Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2015 khoảng 20.000 lao động. Trong đó, lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật (trên ĐH, ĐH, CĐ, TC, CNKT) là 14.250 lao động, lao động có trình độ sơ cấp nghề và lao động phổ thông 5.750 lao động.

Kế hoạch tuyển dụng và sử dụng lao động đến năm 2015:

TT	Trình độ	Lao động cuối năm				
		2011	2012	2013	2014	2015
1	Trên Đại học	97	100	150	200	250
2	Đại học, cao đẳng	3.192	3.193	3.500	4.000	4.800
3	Trung cấp, CNKT	5.705	4.768	6.050	7.800	9.200
4	Sơ cấp, LĐPT	4.551	3.947	4.500	5.000	5.750
Tổng số LĐ		13.553	12.008	14.200	17.000	20.000

- Dự báo trình độ đào tạo theo các ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng theo từng năm từ 2013 - 2015 (có phụ lục số 4 kèm theo).

Ngoài ra, khi tổ chức thi công nhà máy luyện cán thép Guang Lian, dự án nhiệt điện, dự án khu đô thị - dịch vụ VSIP và một số dự án khác, khả năng thu hút lao động của các nhà thầu thi công từ 10.000 - 14.000 lao động. Đây là cơ hội để giải quyết việc làm cho số lao động qua đào tạo chưa tìm được việc làm và lao động phổ thông trong vùng.

II. Mục tiêu của đề án:

1. Mục tiêu chung:

- Thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế đi liền với chuyển đổi cơ cấu lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập phát triển nông thôn, trước hết là tạo việc làm và ổn định đời sống nhân dân vùng thu hồi đất, tái định cư.

- Tạo điều kiện cho người lao động vùng bị thu hồi đất, tái định cư trong Khu kinh tế Dung Quất ổn định cuộc sống, chuyển đổi ngành nghề và có thể tự nuôi sống bản thân, gia đình với chất lượng cuộc sống ngày càng tốt hơn.

- Tạo điều kiện và môi trường để doanh nghiệp thực hiện đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và thu hút lao động địa phương.

- Đảm bảo ổn định chính trị trên địa bàn, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp yên tâm đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu đào tạo nghề đến năm 2015:

Đào tạo nghề cho khoảng 3.600 lao động và tập huấn chuyển đổi ngành nghề cho 2.400 lao động các hộ gia đình tái định cư và bị thu hồi đất (theo nhu cầu được xác định trong đề án); trong đó:

- Cao đẳng nghề hệ chính quy tập trung : 600 sinh viên (200 sv/năm);
- Trung cấp nghề hệ chính quy tập trung: 1.200 sinh viên (400 sv/năm);
- Sơ cấp nghề hệ ngắn hạn (3 - 6 tháng): 1.800 học viên (600 hv/năm);
- Tập huấn chuyển đổi ngành nghề: 2.400 học viên (800 hv/năm).

2.2. Mục tiêu giải quyết việc làm đến năm 2015:

Trong 5 năm, phấn đấu giải quyết việc làm cho 5.000 lao động; trong đó:

- Lao động đã qua đào tạo (5 năm): 2.600 lao động (520 lao động/năm);
- Lao động phổ thông (3 năm,): 2.400 lao động (800 lao động/năm).

2.3. Mục tiêu chuyển đổi ngành nghề: Trong 3 năm, tích cực vận động và hỗ trợ hộ gia đình làm tốt công tác chuyển đổi ngành nghề theo hướng công nghiệp và dịch vụ cho khoảng 2.400 lao động (800 lao động/năm).

2.4. Mục tiêu định hướng cho khu kinh tế mở rộng: Từ sau năm 2013, song song với việc lập phương án đền bù, giải tỏa thu hồi đất phải gắn liền với phương án tái định cư bền vững và đào tạo, giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề cho lao động các hộ gia đình bị mất đất cả trong diện khu kinh tế hiện tại và thực hiện mở rộng.

III. Nhiệm vụ đào tạo nghề và chính sách hỗ trợ:

Căn cứ vào nhu cầu, nguyện vọng của lao động thuộc diện di dời, giải tỏa nhường đất cho dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và khả năng đáp ứng của tỉnh, để thực hiện các mục tiêu đề ra của Đề án cần tập trung vào nhiệm vụ và chính sách hỗ trợ cụ thể sau đây:

1. Công tác đào tạo nghề, tập huấn chuyển đổi ngành nghề:

1.1. Đào tạo nghề dài hạn, tập trung (hệ cao đẳng và trung cấp):

a. Đối tượng:

- Lao động thuộc diện di dời, giải tỏa nhường đất cho dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và Khu tái định cư Bình Thanh Tây (Bình Sơn), Khu tái định cư Đông Hòa (xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh) và vùng dự án VSIP Quảng Ngãi giai đoạn I, có nhu cầu học nghề và được địa phương nơi cư trú giới thiệu.

- Yêu cầu trình độ học vấn: Tốt nghiệp phổ thông trung học đối với hệ đào tạo nghề dài hạn chính quy, trình độ cao đẳng nghề và trung cấp nghề; tốt nghiệp trung học cơ sở đối với hệ đào tạo nghề dài hạn chính quy, trình độ trung cấp nghề (thời gian đào tạo 02- 03 năm tùy theo ngành nghề).

b. Ngành nghề Đào tạo: Tập trung đào tạo những ngành, nghề đáp ứng yêu cầu của các chủ đầu tư, doanh nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh và gắn với thị trường lao động đang cần như: Cơ khí động lực, cơ khí chế tạo, gò hàn, luyện cán thép, điện công nghiệp, điện tử, điện lạnh, may mặc, giày da...

c. Thời gian và địa điểm đào tạo:

- Cao đẳng nghề hệ 03 năm: Đào tạo tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Dung Quất và các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh.

- Trung cấp nghề hệ đào tạo từ 2 - 2,5 năm: Đào tạo cho đối tượng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bổ túc trung học. Trung cấp nghề hệ đào tạo từ 2,5 - 3 năm: Đào tạo cho đối tượng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương (cơ sở dạy nghề liên kết với Trung tâm Dạy nghề - Giáo dục - Hướng nghiệp để dạy bổ túc trung học).

Nơi đào tạo: Tập trung đào tạo tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Dung Quất và các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trong tỉnh (sau đây được tính bình quân là 2,5 năm).

d. Số lượng, định mức kinh phí đào tạo:

- Đào tạo Cao đẳng nghề dài hạn 3 năm cho 600 học viên (200 học viên/năm); định mức kinh phí 10,5 triệu đồng/học viên/năm (trong đó: bao gồm học phí theo Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ bình quân 2,0 triệu đồng và hỗ trợ đào tạo nghề theo Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi 8,5 triệu đồng). Tổng kinh phí là 18.900,0 triệu đồng.

- Đào tạo Trung cấp nghề (bình quân mỗi khoá học là 2,5 năm) cho 1.200 học viên (400 học viên/năm); định mức kinh phí 8,2 triệu đồng/sinh viên/năm; (trong đó: bao gồm học phí theo Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ bình quân 1,7 triệu đồng và hỗ trợ đào tạo nghề theo Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi 6,5 triệu đồng). Tổng kinh phí là 24.600,0 triệu đồng.

Như vậy, tổng kinh phí đào tạo hệ dài hạn cho Cao đẳng nghề và trung cấp nghề là: 43.500,0 triệu đồng (1).

Trong đó, được phân kỳ theo các năm:

+ Năm 2014: 400 sinh viên, kinh phí là	5.380,0 triệu đồng;
+ Năm 2015: 800 sinh viên, kinh phí là	10.760,0 triệu đồng;
+ Năm 2016: 950 sinh viên, kinh phí là	14.500,0 triệu đồng;
+ Năm 2017: 550 sinh viên, kinh phí là	9.120,0 triệu đồng;
+ Năm 2018: 150 sinh viên, kinh phí là	3.740,0 triệu đồng.

đ. Nguồn kinh phí:

Thực hiện theo Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, được cân đối từ ngân sách sự nghiệp giáo dục - đào tạo tỉnh phục vụ công tác đào tạo nghề.

1.2. Đào tạo nghề ngắn hạn:

a. Đối tượng:

- Lao động thuộc diện di dời, giải tỏa nhường đất cho dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và Khu tái định cư Bình Thanh Tây (Bình Sơn), khu tái định cư Đông Hòa (xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh) và vùng dự án VSIP Quảng Ngãi giai đoạn I, có nhu cầu học nghề ngắn hạn và được địa phương nơi cư trú giới thiệu (nhóm này không có điều kiện học dài hạn).

- Yêu cầu trình độ học vấn: Tốt nghiệp phổ thông cơ sở trở lên; thời gian đào tạo 03 tháng.

b. Ngành, nghề: Đào tạo các ngành nghề nông nghiệp; các ngành nghề phi nông nghiệp, nghề truyền thống, các nghề tiểu thủ công nghiệp như: Mộc, nề (xây dựng dân dụng); mây tre đan xuất khẩu, máy tàu thủy; cơ điện nông thôn, vận hành máy công trình thi công, kỹ thuật cắt may công nghiệp; dịch vụ khách sạn, nhà hàng; chế biến nông, lâm, thủy hải sản, giúp việc gia đình, thủ công mỹ nghệ...

c. Địa điểm đào tạo hệ sơ cấp nghề: Tập trung đào tạo tại các cơ sở dạy nghề trong tỉnh, tại các doanh nghiệp và tại địa phương các xã.

d. Số lượng, định mức kinh phí đào tạo:

- Hàng năm thực hiện đào tạo khoảng 600 học viên, 3 năm là 1.800 học viên, định mức kinh phí đào tạo khoảng 2 triệu đồng/học viên/khoá, mỗi năm bình quân 1.200 triệu đồng.

- **Tổng kinh phí thực hiện: $1.800 \text{ hv} \times 2 \text{ triệu} = 3.600 \text{ triệu đồng. (2)}$**

đ. Nguồn kinh phí thực hiện:

Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

1.3. Tập huấn chuyển giao công nghệ và các chương trình lồng ghép:

a. Đối tượng: Lao động thuộc diện di dời, giải tỏa nhường đất cho dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và Khu tái định cư Bình Thanh Tây (Bình Sơn), Khu tái định cư Đông Hòa (xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh) và vùng dự án VSIP Quảng Ngãi giai đoạn I, có nhu cầu được tập huấn để chuyển đổi ngành nghề.

b. Ngành, nghề: Tập huấn các ngành nghề về giúp việc gia đình, nữ công gia chánh, gia công hàng thủ công mỹ nghệ, quy trình sản xuất, chăn nuôi, khuyến nông - lâm - ngư mới cho nhân dân bị thu hồi đất để nhân dân tiếp cận và ứng dụng phương thức sản xuất mới vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng năng suất và hiệu quả cây trồng vật nuôi trên đầu diện tích.

c. Số lượng, định mức kinh phí đào tạo:

- Hàng năm thực hiện tập huấn cho khoảng 800 lao động, 3 năm là 2.400 lao động. Định mức chi phí tập huấn và hỗ trợ là 1,5 triệu đồng/người.

- **Tổng kinh phí: $2.400 \text{ lao động} \times 1,5 \text{ triệu} = 3.600 \text{ triệu đồng (3)}$**

d/ Nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng từ các chương trình khuyến nông - lâm - ngư và chuyển giao công nghệ do Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì và lồng ghép kinh phí của các chương trình khác theo Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp - Phát triển Nông thôn (đã bao gồm tiền ăn).

2. Chính sách hỗ trợ cho người học nghề:

Người lao động trong các khu tái định cư, bị thu hồi đất chưa có việc làm, chưa được đào tạo nghề nên điều kiện kinh tế rất khó khăn. Nếu chỉ hỗ trợ học phí theo quy định chung thì người lao động sẽ không có điều kiện để học nghề, từ đó sẽ khó tìm được việc làm để ổn định cuộc sống và hội nhập.

Để giải quyết tồn tại, thực hiện đào tạo nghề cho lao động bị thu hồi đất, cần có cơ chế ưu đãi đặt thù như sau:

2.1. Về cơ chế hỗ trợ (định mức):

- Học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp nghề tập trung dài hạn được hỗ trợ theo định mức như sau:

+ Hỗ trợ 50% tiền ăn: Với số tiền là 195.000 đồng/tháng/học viên (7.500đ/ngày thực học);

+ Hỗ trợ sách vở, tài liệu 200.000 đồng/năm.

- Lao động học tập ngắn hạn từ 3 tháng, được vận dụng kinh phí theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; theo đó, định mức hỗ trợ tiền ăn là 390.000 đồng/tháng/học viên (15.000 đ/ngày thực học).

2.2. Kinh phí hỗ trợ:

a. Tổng kinh phí hỗ trợ học nghề dài hạn, tập trung cho 1.800 sinh viên là 10.440,0 triệu đồng (4’); trong đó:

- Hỗ trợ 50% tiền ăn cho đào tạo cao đẳng nghề dài hạn 3 năm cho 600 sinh viên (200 sv/năm), tổng kinh phí là $600sv \times 3năm \times 10tháng \times 0,195 \text{ triệu} = 3.510,0$ triệu đồng.

- Hỗ trợ 100% tiền ăn cho đào tạo trung cấp nghề (bình quân mỗi khoá học là 2,5 năm) cho 1.200 học sinh, sinh viên, tổng kinh phí là $1.200hs,sv \times 2,5năm \times 10tháng \times 0,39 \text{ triệu} \times 50\% = 5.850,0$ triệu đồng.

- Hỗ trợ sách vở, tài liệu cho đào tạo cao đẳng nghề dài hạn 3 năm cho 450 sinh viên, tổng kinh phí là $600sv \times 3năm \times 0,2\text{triệu} = 360$ triệu đồng.

- Hỗ trợ sách vở, tài liệu cho đào tạo trung cấp nghề (bình quân mỗi khoá học là 2,5 năm) cho 1.200 học sinh, sinh viên, tổng kinh phí là $1.200hs,sv \times 3năm \times 0,2\text{triệu} = 720$ triệu đồng.

* Kinh phí hỗ trợ tiền ăn và hỗ trợ sách vở là 10.440,0 triệu đồng được phân kỳ theo năm như sau:

Năm 2014: 400 hs-sv, kinh phí là	1.290,0 triệu đồng;
Năm 2015: 800 hs-sv, kinh phí là	2.580,0 triệu đồng;
Năm 2016: 950 hs-sv, kinh phí là	3.480,0 triệu đồng;
Năm 2017: 550 hs-sv, kinh phí là	2.190,0 triệu đồng;
Năm 2018: 150 hs-sv, kinh phí là	900,0 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí: Thực hiện từ nguồn kinh phí bồi thường thu hồi đất theo Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ. Tuy nhiên đây là vấn đề giải quyết tồn tại theo mục tiêu đề án, nguồn hỗ trợ đào tạo đã trả cho nhân dân khi tiến hành đền bù, nên không còn nguồn để thực hiện. Để có nguồn thực hiện, UBND tỉnh cân đối từ nguồn ngân sách địa phương và vận động hỗ trợ của các doanh nghiệp, nhà đầu tư có dự án tại Khu kinh tế Dung Quất Dung Quất.

b. Hỗ trợ tiền ăn cho học nghề ngắn hạn (3 tháng) cho 1.800 học viên, tổng kinh phí là $1.800hv \times 3tháng \times 0,39\text{triệu} = 2.106,0$ triệu đồng (4’’).

Thực hiện từ nguồn kinh phí ngân sách Trung ương theo Quyết định 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Như vậy tổng kinh phí hỗ trợ an sinh cho học nghề dài hạn, tập trung và ngắn hạn là 12.546,0 triệu đồng (4).

IV. Giải quyết việc làm:

1. Giải quyết việc làm trong tỉnh:

- Bình quân hàng năm giải quyết việc làm mới cho khoảng 1.320 lao động vào làm việc tại các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp của tỉnh.

- Đối tượng áp dụng: Những đối tượng đã được đào tạo ở các trình độ Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề, Sơ cấp nghề theo các ngành nghề phù hợp với yêu cầu của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp của tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ: Ưu tiên tiếp nhận vào làm việc tại các doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp; được tư vấn học nghề, tư vấn giới thiệu việc làm miễn phí tại Trung tâm giới thiệu việc làm của tỉnh.

- Đơn vị thực hiện: Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất chủ trì phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp của tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh), UBND huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, chủ đầu tư, doanh nghiệp được cấp đất thực hiện các dự án trong Khu kinh tế Dung Quất.

2. Giải quyết việc làm tại chỗ:

- **Đối tượng áp dụng:** Số lao động thuộc các hộ gia đình bị thu hồi đất có độ tuổi từ 36 tuổi trở lên, không có khả năng học nghề để chuyển đổi nghề nghiệp.

- **Số thực hiện:** 750 người (bình quân mỗi năm 250 người).

- Phương pháp giải quyết việc làm:

+ Khuyến khích các tổ chức và cá nhân có điều kiện thành lập doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã sản xuất, dịch vụ, tổ hợp sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ hoặc tiếp tục sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

+ Được vay vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội, mức tối đa 500 triệu đồng/doanh nghiệp. Hỗ trợ bình quân mỗi lao động được vay tối đa 20 triệu đồng để thực hiện các dự án nhỏ.

+ Cơ quan thực hiện: UBND huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh chủ trì, phối hợp Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

3. Hỗ trợ tư vấn giới thiệu làm việc ngoài tỉnh:

Cơ quan chủ quản chủ trì phối hợp Trung tâm Giới thiệu việc làm của tỉnh tăng cường công tác tư vấn giới thiệu người lao động đã qua đào tạo nghề, lao động phổ thông đi làm việc tại các tỉnh, thành phố phía Nam như: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương,... nhằm giải quyết việc làm cho người lao động trong vùng dự án.

Trong 3 năm phấn đấu giải quyết khoảng 1.000 lao động (bình quân mỗi năm từ 300 đến 350 lao động).

4. Hỗ trợ xuất khẩu lao động:

- **Đối tượng áp dụng:** Lao động có độ tuổi dưới 35, có nguyện vọng và đảm bảo đủ điều kiện về tiêu chuẩn đề xuất khẩu lao động, đã được đào tạo nghề theo cấp trình độ nói trên theo quy định hiện hành.

- **Số lượng:** 240 người (80 người/năm);

- **Chính sách hỗ trợ:** Trên cơ sở Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Chương trình mục tiêu việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015. Tuy nhiên hiện nay Theo Quyết định 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, ngoài việc được hỗ trợ 100% học phí học nghề ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết theo quy định của pháp luật về người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng còn hỗ trợ 100% chi phí khám sức khỏe, làm hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; hỗ trợ tiền ăn hàng ngày trong thời gian đi học theo mức quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-Ttg; hỗ trợ tiền đi lại một lượt đi và về từ nơi cư trú đến nơi học đối với các học viên ở cách xa địa điểm học trên 15 km. Vì vậy theo đó định mức hỗ trợ trọn gói được tính như sau:

+ Hỗ trợ đào tạo giáo dục định hướng, ngoại ngữ và thủ tục hồ sơ, tiền ăn và tiền đi lại 01 lượt cho mỗi lao động là: 2 triệu đồng/người/khóa x 240 người= **480 triệu đồng (5)**.

+ Hỗ trợ cho vay vốn: 30 triệu đồng/người, với lãi suất ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

- **Nguồn kinh phí :** Thực hiện theo Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ, gắn trong đề án xuất khẩu lao động hàng năm được tỉnh phê duyệt.

- **Đơn vị thực hiện:** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với UBND huyện Bình Sơn và Ngân hàng NN&PTNT, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, chỉ đạo Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh triển khai thực theo quy định hiện hành.

5. Giải quyết việc làm khác, tăng việc làm:

- Giải quyết việc làm khác khoảng 300 lao động, tăng việc làm khoảng 1.500 lao động (bình quân 500 lao động/năm).

- Đối với lao động thu hút vào các doanh nghiệp, cơ sở SXKD, dịch vụ: Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất phối hợp với các Trung tâm Giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh thực hiện.

- Đối với lao động tiếp tục sản xuất nông nghiệp: UBND huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT của huyện, UBND các xã phối hợp với Hội Nông dân, Phụ nữ, Đoàn TN CS HCM các xã chịu trách nhiệm tư vấn, giới thiệu các mô hình, tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyển giao công nghệ về Khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để người lao động có việc làm.

- Đối với lao động chuyển đổi ngành, nghề để hoạt động trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, làng nghề: UBND huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh chủ trì phối hợp với Liên minh hợp tác của tỉnh hướng dẫn, khuyến khích việc thành lập hợp tác xã, tổ

hợp sản xuất; phối hợp với Sở Công thương chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập các doanh nghiệp nhỏ và vừa để thu hút số lao động nhằm giải quyết việc làm.

V. Kinh phí thực hiện (phụ lục số 5 kèm theo):

1. Kinh phí để thực hiện Đề án: 64.126,0 triệu đồng (Bằng chữ: Sáu mươi bốn tỷ, một trăm hai sáu triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Kinh phí đào tạo dài hạn: 43.500,0 triệu đồng; (1)
- Kinh phí đào tạo ngắn hạn: 3.600,0 triệu đồng; (2)
- Kinh phí tập huấn chuyên giao công nghệ: 3.600,0 triệu đồng; (3)
- Kinh phí hỗ trợ an sinh cho 3 nhóm đối tượng: 12.546,0 triệu đồng; (4)
- Kinh phí hỗ trợ giáo dục định hướng đi XKLD: 480,0 triệu đồng; (5)
- Kinh phí chi hoạt động triển khai thực hiện đề án: 400,0 triệu đồng; (6)

2. Cơ cấu nguồn kinh phí: Trên cơ sở các cơ chế, chính sách xây dựng kinh phí thực hiện đề án, kinh phí thực hiện bao gồm các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách Trung ương bao gồm các khoản hỗ trợ học phí và tiền ăn cho đào tạo nghề ngắn hạn.

- Nguồn ngân sách địa phương bao gồm các khoản hỗ trợ học phí và tiền ăn, tiền hỗ trợ sách vở, tài liệu cho hệ đào tạo nghề dài hạn, hỗ trợ xuất khẩu lao động và triển khai thực hiện đề án.

- Nguồn từ các chương trình dự án là nguồn kinh phí hỗ trợ tập huấn chuyên giao công nghệ.

Tổng kinh phí: 64.126,0 triệu đồng, được cơ cấu nguồn như sau:

- Nguồn từ ngân sách (1)+(2)+(4)+(5)+(6): 60.526,0 triệu đồng,
- + Trung ương (2)+(4''): 5.706,0 triệu đồng;
- + Địa phương (1)+(5): 43.980,0 triệu đồng;
- + Địa phương(4')+(6) cần bổ sung: 10.840,0 triệu đồng;
- Nguồn từ các chương trình dự án (3): 3.600,0 triệu đồng.

Việc hỗ trợ 50% tiền ăn và sách vở cho đào tạo hệ dài hạn, tập trung được vận dụng trên cơ sở Quyết định số 1956/QĐ-TTg (hiện đang áp dụng cho hệ đào tạo ngắn hạn hỗ trợ 100% tiền ăn), tại mục nguồn ngân sách địa phương (4')+(6) cần bổ sung, là cơ chế chính sách mở, đặc cách cho đối tượng khó khăn, bị thu hồi đất trong Khu kinh tế Dung Quất, đây là điểm mấu chốt thực hiện Đề án, các nguồn kinh phí khác đã được quy định trong các văn bản của Chính phủ và của tỉnh.

Ngoài ra, kinh phí giải quyết việc làm và phát triển ngành nghề của lao động được ưu tiên vay từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm, quỹ vì người nghèo, quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, quỹ từ các chương trình của các tổ chức chính trị xã hội, hội đoàn thể, chương trình tín dụng sinh viên, học sinh các quỹ khác của các tổ chức trong và ngoài nước và sự tương trợ giúp đỡ của người thân và cộng đồng...

3. Giải ngân:

- Trên cơ sở dự toán hàng năm ngân sách cấp theo số lượng thực tế các học viên theo học tại các trường (không cấp cho người học), đối tượng học được cấp thẻ học nghề.

- Thẻ được sử dụng để học nghề, do người có thể chọn lựa tại các cơ sở đào tạo nghề được nhà nước cho phép hoặc tại các doanh nghiệp nhận tuyển dụng lao động lâu dài và tự tổ chức đào tạo nghề, đáp ứng việc sử dụng lao động của doanh nghiệp, chi trả đúng kinh phí đào tạo được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tương ứng với nội dung nghề được đào tạo nhưng tối đa không quá giá trị thẻ. Đối với những nghề có trình độ kỹ thuật cao, chi phí đào tạo nhiều, người có trách nhiệm đóng góp phần kinh phí chênh lệch cao hơn mức quy định hỗ trợ chung.

- Chỉ thực hiện hỗ trợ tiền an sinh xã hội (tiền ăn), tiền sách vở, tài liệu ... cho học viên thông qua các cơ sở đào tạo nghề người lao động theo học.

VI. Các nhóm giải pháp thực hiện.

1. Nhóm giải pháp quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội để tạo nhiều việc làm cho người lao động trong vùng:

1.1. Căn cứ theo quy hoạch hiện có (quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch các khu chức năng, khu đô thị, khu dân cư, tái định cư, quy hoạch bố trí lại sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất và vùng ven,...) rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch để bố trí mặt bằng đầu tư xây dựng các khu dịch vụ, thương mại tại các xã, cụm dân cư nhằm tạo việc làm và thu nhập ổn định cho các hộ dân tái định cư và các khu dân cư, với phương châm là đa dạng hoá các loại hình dịch vụ phù hợp, linh hoạt theo các hình thức thực hiện của nhân dân, bao gồm các dịch vụ như: Nhà hàng, khách sạn, nhà cho thuê; các hợp tác xã (*dịch vụ, thương mại, nông ngư nghiệp*); các dịch vụ nghề cá (*cung cấp ngư lưới cụ, tiêu thụ, chế biến thủy hải sản, ...*); dịch vụ sửa chữa xe gắn máy, xe cơ giới, máy tàu thủy, máy tính, máy photo, ...; dịch vụ bốc xếp, cung ứng lao động, cung ứng sản phẩm công nghiệp, chợ cho các xã và các dịch vụ buôn bán nhỏ; các loại hình dịch vụ khác.

1.2. Xây dựng các khu nông nghiệp, cụm kinh tế trang trại ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới, gắn với công tác chế biến và tiêu thụ sản phẩm, qua đó thu hút lao động nông nghiệp, đồng thời cũng là mô hình trình diễn, chuyển giao công nghệ cho hộ dân cư trong vùng, nâng cao hiệu quả sản xuất và chăn nuôi trên đầu diện tích. Tăng cường đầu tư, nâng công suất tàu thuyền để vươn ra đánh bắt xa bờ.

1.3. Hoàn thiện cơ chế, đẩy mạnh công tác đền bù giải phóng mặt bằng, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình tiện ích xã hội đồng bộ, phát triển dân cư tại khu đô thị Vạn Tường và các cụm đô thị theo quy hoạch.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng; xây dựng các cơ chế, chính sách hấp dẫn nhằm thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào khu kinh tế. Có cơ chế ưu đãi, hỗ trợ mức cao nhất đối với các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, kinh doanh các ngành khuyến nông - lâm - ngư nghiệp trong khu kinh tế (*theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*) như chính sách thuế, đất đai, vay vốn ngân hàng với lãi suất thấp để đầu tư tái

sản xuất, dịch vụ, buôn bán, ... nhằm tạo ra nhiều chỗ làm việc mới để giải quyết việc làm cho lao động trong vùng, nhất là lao động bị thu hồi đất, lao động trong các khu tái định cư.

1.4. Ban hành cơ chế, tách khoảng kinh phí hỗ trợ đào tạo, giải quyết việc làm trong phương án đền bù giải phóng mặt bằng để hình thành quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất. Các doanh nghiệp phải cam kết, ký quỹ và có trách nhiệm thực hiện đào tạo, giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất để cấp cho doanh nghiệp thực hiện dự án.

2. Nhóm giải pháp về đào tạo, giải quyết việc làm:

Tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực để đến năm 2015 Khu kinh tế Dung Quất có 50% lao động qua đào tạo nghề. Đào tạo nghề phải xuất phát từ nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và xã hội, gắn với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Mở rộng ngành nghề, tăng số lượng và hiệu quả đào tạo theo yêu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Các biện pháp thực hiện:

2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến đến nhân dân và người lao động về chủ trương hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Tập trung chỉ đạo các xã thống kê lên danh sách lao động trong các khu tái định cư, lao động bị thu hồi đất trong độ tuổi đăng ký tham gia học nghề, tập huấn hướng dẫn chuyển đổi ngành nghề. Đối với những người đủ điều kiện trình độ và tuổi đời mà không tham gia đăng ký học nghề phải có cam kết để tránh những đòi hỏi về sau.

2.2. Xây dựng kế hoạch, cân đối bố trí kinh phí, làm việc với các cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh, từ đầu năm 2013 thực hiện đào tạo nghề cho lao động bị thu hồi đất chưa được đào tạo, chưa có việc làm; mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn, hướng dẫn ngành nghề mới và hỗ trợ nhân dân chuyển đổi ngành nghề để giải quyết việc làm.

2.3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thường xuyên mở sàn giao dịch việc làm tại Dung Quất, làm đầu mối kết nối giữa người lao động và doanh nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh công tác giới thiệu việc làm trong và ngoài tỉnh, đặc biệt hướng dẫn, động viên người lao động đi xuất khẩu lao động.

2.4. Làm việc với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất về kế hoạch tuyển dụng và sử dụng lao động đến năm 2015, qua đó động viên doanh nghiệp thực hiện liên kết với các cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh đào tạo lao động theo đơn đặt hàng, có địa chỉ, tiếp nhận lao động khi ra trường; ưu tiên tuyển dụng ít nhất 60% lao động của địa phương, trong đó ưu tiên tuyển dụng lao động bị thu hồi đất, lao động trong các khu tái định cư.

2.5. Tổ chức tốt việc điều tra nhu cầu học nghề. Gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước về lao động với doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nghề; gắn kết công tác dạy nghề với giới thiệu việc làm cho người lao động; nâng cao hiệu quả của mô hình đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, đào tạo nghề phục vụ xuất khẩu lao động... Tăng cường công tác hướng nghiệp, dạy nghề cho các học sinh phổ thông, lao động bị thu hồi đất.

2.6. Xây dựng nội dung chương trình đào tạo dựa trên cơ sở nhu cầu của thị trường lao động và tiêu chí đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng dần tính

tương thích giữa đào tạo và sử dụng lao động. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giảng dạy, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên.

2.7. Thông qua các cấp ủy đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp để tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho người lao động. Bồi dưỡng nâng bậc thợ - tay nghề đồng thời với việc nâng bậc lương; khuyến khích tự học, tự nâng cao trình độ, tuyên dương, tôn vinh thợ giỏi, lao động kỹ thuật giỏi.

2.8. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao trình độ giảng viên, gắn kết với doanh nghiệp trong việc đào tạo có địa chỉ và xây dựng giáo trình, chương trình giảng dạy, thực tập, kiến tập phù hợp với yêu cầu. Quan tâm giáo dục đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tôn trọng quy trình sản xuất và công nghệ cho người học nghề trước khi tham gia thị trường lao động.

2.9. Quán triệt và tăng cường làm việc với các chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà thầu trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất, ưu tiên tuyển dụng, sử dụng lao động địa phương, lao động nhường đất phụ vụ dự án, coi đây là trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp trên địa bàn. Phối hợp với cơ quan chức năng đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động, giới thiệu người lao động đi làm việc trong và ngoài tỉnh. Phối hợp với các ngành chức năng tinh hướng dẫn và chuyển giao hình thành các ngành nghề mới. Khuyến khích, động viên gia đình, người lao động mạnh dạng thành lập doanh nghiệp, tổ sản xuất, hợp tác xã để giải quyết việc làm tại chỗ.

3. Nhóm giải pháp tạo nguồn kinh phí:

3.1. Ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn chương trình Quốc gia về việc làm và vay nghề, chương trình quốc gia giải quyết việc làm, các chương trình nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, các chương trình khuyến nông - lâm - ngư, chương trình của các Hội đoàn thể và các chương trình khác để tạo nguồn vốn hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất trong Đề án này.

3.2. Vận động nhân dân tự giác đầu tư vốn, thực hiện các nguồn vốn vay từ ngân hàng chính sách, quỹ quốc gia giải quyết việc làm, ngân hàng thương mại và vốn từ các nguồn huy động khác để có đủ vốn cho nhân dân vay đầu tư phát triển sản xuất, qua đó tạo nhiều việc làm tại chỗ và tăng việc làm.

PHẦN THỨ III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án.

1. Thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh:

1.1. Thành phần:

- Trưởng ban: Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Trưởng ban: Bao gồm Phó Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất làm thường trực; Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phó Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh.

- Các thành viên: Đại diện lãnh đạo một số sở, ngành, UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các hội đoàn thể tỉnh thực hiện quản lý và có các chương trình, dự án liên quan đến công tác đào tạo, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động.

1.2. Nhiệm vụ:

- Giúp UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Đề án Đào tạo nghề, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề cho hộ gia đình bị thu hồi đất tại Dung Quất giai đoạn 2011 - 2015.

- Xây dựng quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban chỉ đạo đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1.3. Tổ chuyên viên giúp việc: Giúp việc cho Ban chỉ đạo. Việc thành lập và giao nhiệm vụ cụ thể của Tổ chuyên viên do Trưởng Ban chỉ đạo quyết định.

2. Thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện: Ở mỗi huyện thành lập một Ban chỉ đạo cấp huyện do Chủ tịch UBND huyện quyết định thành lập.

2.1. Thành phần:

Phó Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban và Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện làm Phó ban thường trực; các thành viên là đại diện lãnh đạo một số phòng, ban, UBMT Tổ quốc Việt Nam huyện, các hội đoàn thể huyện và Chủ tịch UBND các xã thực hiện đề án.

2.2. Nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện, quản lý đề án và các chương trình, dự án liên quan đến đào tạo nghề, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề cho người lao động trong phạm vi đề án.

II. Phân công nhiệm vụ:

Để triển khai thành công Đề án Đào tạo, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc các hộ dân nhường đất cho dự án trong Khu kinh tế Dung Quất giai đoạn đến năm 2015; các sở, ban, ngành, các hội, đoàn thể tỉnh và các cấp chính quyền cần phối hợp đồng bộ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

- Hàng năm, cùng với thời điểm lập dự toán ngân sách của đơn vị, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổng hợp nhu cầu đào tạo và chuyển đổi ngành nghề gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp phân bổ chỉ tiêu đào tạo cho các cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh.

- Làm đầu mối phối hợp với sở, ngành, hội đoàn thể, UBND huyện trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nội dung đề án, đồng thời tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh qui hoạch phù hợp để thực hiện đề án; trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng và bổ sung hoàn thiện hạ tầng kinh tế xã hội các khu tái định cư hiện tại, xây dựng các khu dân cư mới gắn với dịch vụ thương mại và du lịch; hình thành các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông - lâm - ngư.

- Làm việc và thỏa thuận với doanh nghiệp, chủ dự án đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất về kế hoạch tuyển dụng lao động; làm đầu mối liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh, thực hiện đào tạo lao động theo đơn đặc hàng, có địa chỉ, tiếp nhận giải quyết việc làm khi ra trường; ưu tiên giải quyết việc làm cho các hộ gia đình bị thu hồi đất và con em Quảng Ngãi (tỷ lệ ít nhất 60%).

- Phối hợp với các sở ngành, UBND huyện Bình Sơn và Sơn Tịnh thực hiện đồng bộ công tác đền bù, thu hồi đất với phương án đào tạo và giải quyết việc làm của các dự án thu hồi đất thời gian tới; chấm dứt tình trạng thu hồi đất mà không tính đến công tác đào tạo và giải quyết việc làm cho người lao động tồn tại lâu nay.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất rà soát các đối tượng được hỗ trợ kinh phí đào tạo, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề cho lao động nhường đất cho các dự án trong Khu kinh tế Dung Quất và tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án hàng năm, gửi Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế chính sách; phân bổ chỉ tiêu, kinh phí cho các cơ sở đào tạo và UBND huyện để thực hiện đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề và xuất khẩu lao động; quản lý, sử dụng và điều hành nguồn kinh phí từ chương trình việc làm, quỹ giải quyết việc làm.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất, trong tỉnh, ưu tiên tuyển dụng giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất. Chỉ đạo các cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh ưu tiên tuyển sinh đào tạo nghề, hướng dẫn việc làm lao động nông thôn; kiểm tra chất lượng đào tạo của các cơ sở dạy nghề, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo tay nghề cho người lao động, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

- Thường xuyên, định kỳ hằng quý, phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức sàn giao dịch việc làm, tạo cơ hội cho người lao động và doanh nghiệp gặp nhau để người lao động nắm bắt được thông tin, nhu cầu tuyển dụng và tìm được việc làm phù hợp; thực hiện giới thiệu người lao động đi làm việc trong, ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động.

3. Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, thực hiện các chương trình, dự án phục vụ sản xuất và dân sinh cho nhân dân trong Khu kinh tế.

- Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí bổ sung năm 2014 và kinh phí cho những năm tiếp theo cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để thực hiện công tác đào tạo, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề tại KKT Dung Quất theo Đề án này, trong đó ưu tiên kinh phí hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì lập kế hoạch và đề án xây dựng tại khu đô thị mới Vạn Tường một trường cấp 3, đầu tư nâng cấp các trường cấp 1, 2, xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo chất

lượng cao để đáp ứng nhu cầu học tập của con em trong vùng, qua đó nâng cao trình độ, có điều kiện phát triển nguồn nhân lực tại chỗ thời gian đến.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hoàn thiện cơ cấu tổ chức Trung tâm Dạy nghề - Giáo dục - Hướng nghiệp cấp huyện để thực hiện tốt chức năng dạy nghề, hướng nghiệp; đồng thời tăng cường giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn.

5. Sở Nội vụ: Tham mưu UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, cơ quan hành chính, sự nghiệp và UBND cấp xã ưu tiên xét chọn, tuyển dụng cán bộ, công nhân viên chức là con em các hộ gia đình có đất bị thu hồi, di dời giải tỏa.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học công nghệ:

- Ưu tiên bố trí kinh phí chương trình, tổ chức tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao quy trình công nghệ, thực hiện khuyến nông - lâm - ngư, áp dụng công nghệ cao cho nhân dân trong Khu kinh tế Dung Quất để nâng cao hiệu quả trong sản xuất, chăn nuôi, đánh bắt thủy sản, qua đó thực hiện có hiệu quả việc chuyển đổi ngành nghề.

- Hướng dẫn và ưu tiên đầu tư cho hộ gia đình xây dựng và phát huy hiệu quả kinh tế trang trại, làm đầu mối lan tỏa quy trình sản xuất mới, nhân rộng điển hình đến nhân dân trong vùng, nâng cao hiệu quả sản xuất trên đầu diện tích, hỗ trợ, hướng dẫn tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân.

7. Sở Xây dựng: Chủ trì phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất trình UBND tỉnh và các cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp tại Khu kinh tế Dung Quất ngắn và dài hạn gắn với xây dựng các khu tái định cư, cụm dân cư thuận tiện việc phát triển các loại hình dịch vụ và du lịch, gắn với xây dựng nông thôn mới, các vùng chuyên canh phát triển nông nghiệp công nghệ cao để giải quyết việc làm cho người lao động trong vùng.

8. Sở Công Thương: Trên cơ sở kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoạch định kế hoạch, cơ chế chính sách trong việc xây dựng và phát triển đa dạng hóa các loại hình dịch vụ ở các khu dịch vụ, thương mại tập trung để phát triển thương nghiệp, dịch vụ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Qua đó, tạo chỗ làm việc và thu nhập ổn định của một số hộ dân trong vùng.

9. Sở Văn hóa, thể thao và du lịch: Tích cực tham mưu UBND tỉnh và phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất đầu tư xây dựng, mở các điểm du lịch, văn hóa, thể dục thể thao tạo môi trường sinh hoạt văn hóa, vui chơi lành mạnh tại Dung Quất, qua đó quảng bá hình ảnh về Chiến thắng Vạn Tường, các danh lam thắng cảnh tại Dung Quất, góp phần giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương.

10. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi, Báo Quảng Ngãi: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về lao động, việc làm, dạy nghề và xuất khẩu lao động.

11. Liên Minh Hợp tác xã: Giới thiệu, hướng dẫn xây dựng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và phát triển các ngành, làng nghề

truyền thống để giải quyết việc làm cho hộ dân nhường đất, ổn định việc làm, thu nhập và đời sống.

12. UBMTTQ Việt Nam, hội, đoàn thể, các tổ chức xã hội các cấp:

- Phối hợp với các sở, ngành, UBND huyện, thành phố tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và toàn dân tích cực tham gia thực hiện đề án;

- Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp của hội, đoàn thể có chức năng về dạy nghề, giới thiệu việc làm tổ chức thực hiện tốt việc đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho hội viên và đoàn viên của hội, đoàn thể.

- Các hội, đoàn thể được Ngân hàng Chính sách xã hội ủy thác cho vay có trách nhiệm làm tốt công tác kiểm tra, thẩm định và quản lý nguồn vốn vay, thu hồi nợ gốc, lãi đúng quy định.

13. Các trường, trung tâm dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

- Phối hợp với chính quyền địa phương, các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất tổ chức tuyên truyền, hướng nghiệp và tuyển sinh đào tạo. Thực hiện các cơ chế ưu tiên theo chỉ đạo của UBND tỉnh đối với học viên trong khu kinh tế và cụ thể cho từng loại đối tượng. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao trình độ giảng viên, ký kết với doanh nghiệp đào tạo có địa chỉ; phối hợp xây dựng giáo trình, chương trình giảng dạy, thực tập, kiến tập để khi người lao động ra trường đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp về chuyên môn tay nghề và tác phong công nghiệp của người lao động.

- Lựa chọn ngành nghề thích hợp, hướng dẫn, chuyển giao công nghệ sản xuất và chăn nuôi để nhân dân trong vùng tiếp nhận thực hiện đạt hiệu quả góp phần ổn định đời sống và việc làm của nhân dân.

- Liên kết với các Trung tâm Dạy nghề - Giáo dục - Hướng trong tỉnh tổ chức mở lớp bổ túc văn hoá cho các học viên có trình độ tốt nghiệp trung học cơ sở đang theo học trung cấp nghề hệ đào tạo từ 2 - 2,5 năm.

14. Đối với các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Dung Quất:

- Hàng năm và dài hạn xây dựng kế hoạch tuyển dụng và sử dụng lao động, qua đó phối hợp với chính quyền địa phương và cơ sở đào tạo nghề thực hiện đào tạo nghề theo địa chỉ, tiếp nhận giải quyết việc làm khi học viên ra trường; ưu tiên tuyển dụng lao động bị ảnh hưởng trong vùng dự án, nhất là lao động những hộ gia đình bị di dời, giải tỏa nhường đất phục vụ các dự án.

- Thực hiện chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, xây dựng đời sống và môi trường doanh nghiệp văn hóa, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa và thân thiện; từng bước xây dựng đội ngũ người lao động có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng để thực hiện quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hóa ở Khu kinh tế Dung Quất.

15. UBND các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh:

- Thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện, xây dựng và ban hành quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cho các thành viên Ban chỉ đạo.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước và nội dung của đề án để nhân dân hiểu, tự giác thực hiện chương trình của đề án.

- Chỉ đạo các phòng ban chức năng liên quan, UBND các xã trong vùng thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, qua đó thống kê lên danh sách lao động trong độ tuổi, có nhu cầu học nghề, tập huấn chuyển đổi ngành nghề, lập chương trình gửi Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất để phối hợp với sở ngành chức năng và cơ sở đào tạo mở lớp đào tạo phù hợp. Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm thông qua các chương trình việc làm, trong đó ưu tiên giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất phục vụ các dự án.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện lồng ghép các chương trình vay vốn, việc làm, khuyến nông - lâm - ngư, xây dựng, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống để tạo nhiều việc làm cho người lao động.

- Chỉ đạo việc theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, những tồn tại vướng mắc của đề án trình UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện.

16. Trách nhiệm của UBND các xã:

- Tuyên truyền, vận động người lao động, thống kê lên danh sách những người chưa có việc làm, có nguyện vọng học nghề, chuyển đổi ngành nghề tham gia học nghề để tăng cơ hội việc làm và hỗ trợ giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động.

- Mặt trận và các hội đoàn thể tích cực tuyên truyền vận động hội viên tham gia các chương trình học nghề, việc làm. Tự giác đầu tư vốn, kết hợp với vốn vay ưu đãi và sự hỗ trợ, thành lập doanh nghiệp vừa và nhỏ, tổ hợp tác sản xuất, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt và chăn nuôi để tăng năng suất hiệu quả trên đầu diện tích.

- Thông báo công khai các chính sách và hướng dẫn cho hộ dân thuộc đối tượng quy định của đề án, vay vốn giải quyết việc làm tại chỗ, vay vốn đi xuất khẩu lao động; kiểm tra việc sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo thu hồi vốn. Ký xác nhận các giấy tờ liên quan cho đối tượng được quy định của đề án.

17. Trách nhiệm của người lao động:

- Kê khai rõ về thực trạng việc làm, ngành nghề, trình độ học vấn, đời sống và nhu cầu học nghề, việc làm với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Nộp đơn đăng ký học nghề, nhu cầu học nghề, nhu cầu việc làm cho cơ sở dạy nghề theo mẫu hồ sơ quy định có xác nhận của UBND xã nơi thường trú ghi rõ đối tượng diện bị thu hồi đất. Bản sao quyết định thu hồi đất có công chứng hoặc chứng thực của UBND xã, giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nếu thuộc đối tượng chính sách được ưu tiên theo đề án này.

- Tự giác tham gia học nghề, tập huấn chuyển đổi ngành nghề, mạnh dạng đầu tư vốn, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật và sản xuất và chăn nuôi, chuyên đổi ngành nghề, tham gia xuất khẩu lao động, đi làm việc trong và ngoài tỉnh... sẽ giải quyết được cơ bản về việc làm và thu nhập cho người lao động bị thu hồi đất. Đây là

căn cứ quan trọng góp phần vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nông thôn mới tại Khu kinh tế Dung Quất.

Khi được quan tâm đầu tư và chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp, sự phối hợp đồng bộ của các ngành chức năng và chính quyền địa phương, người lao động tự giác thực hiện, ý chí vươn lên, có như thế công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề cho lao động bị thu hồi đất cơ bản được thực hiện, giảm tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm tại Khu kinh tế Dung Quất như hiện nay./.

CHỦ TỊCH

Cao Khoa

PHỤ LỤC SỐ 1

(Số liệu tổng quát về kết quả điều tra năm 2010 và dự báo đối với dự án VSIP)

Tiêu chí	Tổng số trong KKT Dung Quất					Tổng số bị thu hồi đất					
	Tổng	Trong độ tuổi tính từ năm 2010				Tổng	Trong độ tuổi tính từ năm				Dự án VSIP
		16-17	18-35	36-45	46-		16-17	18-35	36-	46-	
1. Dân số và lao động (số khẩu)	78,412					20,170					8,120
Số hộ	22,127					5,572					2,050
Lao động	48,558	3,918	25,672	11,323	7,645	13,115	954	6,961	2,803	2,397	5,280
2. Trình độ văn hoá hết học	45,816	1,505	25,343	11,323	7,645	12,188	107	6,881	2,803	2,397	4,800
TN THPT	10,722		9,338	886	498	3,460	-	3,156	179	125	1,500
TN THCS	17,916	1,097	10,406	4,681	1,732	4,524	59	2,662	1,171	632	2,000
Chưa TN THCS	17,178	408	5,599	5,756	5,415	4,204	48	1,063	1,453	1,640	1,300
3. Trình độ văn hoá đang học	2,742	2,413	329	-	-	927	847	80	-	-	480
THPT	2,679	2,350	329			918	838	80			480
THCS	63	63				9	9				
4. Trình độ chuyên môn											
Đã qua ĐTN và đang học CM	10,066	230	8,727	711	398	2,618	8	2,351	168	91	1,200
Chưa qua ĐTN có NC đào tạo (c2 trở lên)	5,107	732	4,252	123	-	1,711	22	1,617	72	-	750
5. Tình trạng việc làm											
Có việc làm TX	27,307	380	12,758	8,214	5,955	5,396	15	2,242	1,568	1,571	2,250
Có việc làm không TX	9,490	305	5,091	2,704	1,390	3,323	24	1,488	1,087	724	1,380
Không có việc làm	5,037	711	3,986	269	71	1,625	74	1,402	111	38	730

PHỤ LỤC SỐ 2
THỐNG KÊ LAO ĐỘNG ĐÃ QUA ĐÀO TẠO CHƯA CÓ VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH

STT	GÀNH NGHỀ	TỔNG SỐ	Có việc làm không thường xuyên					Không có việc làm				
			Đại học, trên ĐH	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Truyền thống tự phát	Đại học, trên ĐH	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Truyền thống tự phát
	1. Từ 16 đến 17 tuổi	28	-	-	-	-	6	-	-	6	6	10
1	Điện, điện cơ, điện lạnh	3						-	-	1	2	-
2	Cô Khí	5						-	-	2	3	-
3	Keá Toaùn	2						-	-	2	-	-
4	Máy	14	-	-	-	-	6	-	-	-	1	7
5	Công nghiệp thực phẩm	1						-	-	-	-	1
6	Các ngành khác	3						-	-	1	-	2
	2. Từ 18 đến 25 tuổi	1,815	16	46	201	87	106	178	282	736	116	47
1	Bách khoa	2						2	-	-	-	-
2	Điện, cơ điện, điện lạnh	186	-	6	27	4	6	5	23	103	8	4
3	Cô Khí	306	-	4	36	8	-	17	27	188	26	-
4	Xây dựng, kiến trúc	72	2	1	9	1	15	6	14	22	2	-
5	Y, Y dược	83	-	2	15	1	-	3	4	57	1	-
6	Cấp thoát nước	11	-	-	4	-	-	-	-	7	-	-
7	Kế toán	349	1	10	42	-	-	25	94	173	4	-
8	Chế biến gỗ	10	-	-		9	-	-	-	-	1	-
9	Du Lịch	26	-	2	1	-	-	6	4	13	-	-
10	Hóa Dầu	43	1	-	-	-	-	5	5	30	2	-
11	Môi Trường	14	2	-	-	-	-	5	4	3	-	-
12	Sư Phạm	62	1	2	3	1	-	14	29	11	1	-
13	Máy	144	-	1	15	20	45	1	-	16	18	28
14	Quản Trị Kinh Doanh	27	1	1	1	-	-	15	8	1	-	-
15	Khoa Học, Xã Hội Nhân Văn	11	2	-	-	-	-	9	-	-	-	-
16	Giao Thông Vận Tải, Lái xe	130	1	2	15	35	-	2	7	24	44	-
17	Ngoại Ngữ	4	-	-	1	-	-	1	1	-	-	1
18	Văn Thư	19	-	-	3	-	-	-	4	12	-	-
19	Luật	26	2	2	-	-	-	17	3	2	-	-
20	Công Nghệ Thực Phẩm	22	-	1	3	-	-	-	8	10	-	-
21	Công Nghệ Thông Tin	47	-	3	3	-	-	8	12	21	-	-
22	Công Nghiệp	24	-	1	4	-	-	7	5	7	-	-
23	Các Ngành Khác	197	3	8	19	8	40	30	30	36	9	14
	3. Từ 36 đến 45 tuổi	102	5	6	9	20	34	1	3	12	11	1
1	Điện, cơ điện, điện lạnh	11	-	1	2	3	-	1	-	3	1	-
2	Cơ khí	7	-	-	1	3	-	-	-	1	2	-
3	Xây dựng, kiến trúc	5	-	-	-	-	5					
4	Y, Y dược	6	-	-	-	3	-	-	-	2	1	-
5	Kế toán	6	-	1	1	-	-	-	-	4	-	-
6	Sư Phạm	6	-	1	2	1	-	-	2	-	-	-
7	Máy	9	-	-	-	1	6	-	-	-	1	1
8	Giao Thông vận tải, lái xe	13	1	-	1	7	-	-	-	-	4	-
9	Luật	3	2	-	-	-	-	-	-	1	-	-
10	Công nghệ thực phẩm	1						-	1	-	-	-
11	Công nghệ thông tin	1						-	-	1	-	-
12	Các ngành khác	34	2	3	2	2	23	-	-	-	2	-
	4. Từ 46 đến 55 (60) tuổi	21	-	1	7	2	6	-	2	3	-	-
1	Điện, cơ điện, điện lạnh	2	-	-	1	-	-	-	-	1	-	-
2	Cơ khí	1						-	1	-	-	-

3	Y, Y dược	1						-	1	-	-	-
4	Xây dựng , kiến trúc	4	-	-	1	1	2					
5	Kế toán	4	-	-	2	-	-	-	-	2	-	-
6	Sư Phạm	1	-	-	1	-	-					
7	Máy	1	-	-	-	-	1					
8	Các ngành khác	7	-	1	2	1	3					
	TỔNG CỘNG	1,966	21	53	217	109	152	179	287	757	133	58

PHỤ LỤC SỐ 3
Lao động đã qua đào tạo cần giải quyết việc làm

ST T	Ngành nghề	Tổng cộng	Độ tuổi		Trình độ				
			16-35	36-45	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Truyền thống
1	Bru Chính Viễn Thông	2	2		1	1			
2	Cấp Thoát Nước	4	4				4		
3	Chế Biến Gỗ	4	4					4	
4	Chế Biến Thực Phẩm	2	2			1	1		
5	Công Nghệ Hóa Chất	1	1			1			
6	Công Nghệ Ôtô	1	1				1		
7	Công Nghệ Thông Tin	20	20		3	7	10		
8	Công Nghiệp Thực Phẩm	4	3	1	1	3			
9	Cơ Giới	9	9				5	4	
10	Cơ Khí	110	106	4	8	13	74	15	-
11	Cửa Kính	1	1						1
12	Cửa Sắt	1		1					1
13	Du Lịch	3	3		2	1			
14	Dược	8	7	1			8		
15	Giao Thông Vận Tải	1	1			1			
16	Hàng Hải	2	2				2		
17	Hành Chính	1	1				1		
18	Hải Quan	1	1			1			
19	Hoá Dầu	18	17	1	1	3	13	1	-
20	Hóa Sinh	1	1		1				
21	Hớt Tóc	1		1					1
22	Kế Toán	109	106	3	4	31	73	1	
23	Khoa Học	1	1		1				
24	Kiến Trúc	1	1			1			
25	Kinh Tế	7	7		4	2	1		
26	Lái Xe	35	27	8	1		9	25	
27	Luật	1	1			1			
28	May	36	35	1		1	13	11	11
29	Môi Trường	6	6		3	1	2		
30	Mộc	3	1	2					3
31	Ngoại Ngữ	3	3		1	1	1		
32	Nhân Văn	1	1		1				
33	Nông Lâm	1	1		1				
34	Pccc	1	1				1		
35	Quản Trị Kinh Doanh	10	10		7	3			
36	Quản Trị Văn Phòng	2	2			2			
37	Sư Phạm	18	17	1	7	9	1	1	
38	Sửa Hôn Da	3	3						3
39	Tài Chính Ngân Hàng	5	5		3	1	1		
40	Thể Dục Thể Thao	1	1		1				
41	Thủy Sản	1	1		1				
42	Thực Phẩm	2	2			1	1		
43	Trang Điểm	1		1					1

44	Văn Thư	4	4				4		
45	Vệ Sĩ	1	1						1
46	Xây Dựng	15	13	2	2	4	4		5
47	Xây dựng	1	1			1			
48	Xã Hội Nhân Văn	3	3		3				
49	Y	22	20	2	1	1	19	1	
50	Điện	47	46	1		7	37	3	
51	Điện Lạnh	2	2		1			1	
52	Điện Tử	12	12		1	2	8	1	
53	Địa Chính	1	1				1		
54	Chưa rõ	41	30	11	6	10	11	2	12
	Tổng cộng	592	551	41	66	111	306	70	39

PHỤ LỤC 4**Dự báo cơ cấu ngành nghề chủ yếu trong KKT Dung Quất**

TT	Ngành, nghề	Số lượng lao động		
		Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Cơ khí chế tạo	2,600	3,000	4,100
2	Xây dựng	1,800	2,100	2,450
3	Cơ khí động lực	1,600	1,800	2,000
4	Chế biến gỗ	1,260	1,500	1,750
5	May công nghiệp	1,200	1,350	1,500
6	Công nghệ lọc hóa dầu	900	1,100	1,250
7	Vệ sỹ, bảo vệ	550	700	800
8	Tài chính, kế toán	450	580	620
9	Điện công nghiệp	350	400	450
10	Quản trị kinh doanh	350	450	500
11	Du lịch	350	450	460
12	Điện dân dụng	300	400	440
13	Chế biến thực phẩm	280	300	340
14	Tin học	300	320	350
15	Lái xe	290	320	350
16	Ngoại ngữ	210	250	280
17	Y tế	180	240	280
18	Phòng cháy chữa cháy	170	200	230
19	Tín dụng ngân hàng	170	240	250
20	Xã hội nhân văn	70	90	100
21	Bưu chính viễn thông	60	80	100
22	Hàng hải	60	80	100
23	Cơ khí luyện kim	400	600	800
24	Ngành nghề khác	300	450	500
Tổng cộng		14,200	17,000	20,000

PHỤ LỤC SỐ 5

**(Kèm theo đề án Đào tạo, giải quyết việc làm và chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc các hộ dân
nhường đất cho dự án trong Khu kinh tế Dung Quất giai đoạn đến năm 2015)**

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung, (nguồn kinh phí)	Định mức	Thời gian	Số lượng	Tổng kinh phí	Phân kỳ theo các năm				
						2014	2015	2016	2017	2018
1	Học phí đào tạo dài hạn (II)			1,800	43,500.00	5,380.00	10,760.00	14,500.00	9,120.00	3,740.00
-	Đào tạo cao đẳng nghề dài hạn	10,5 triệu	3 năm	600	18,900.00	2,100.00	4,200.00	6,300.00	4,200.00	2,100.00
-	Đào tạo Trung cấp nghề	8,2 triệu đ/sv/năm	2,5	1,200	24,600.00	3,280.00	6,560.00	8,200.00	4,920.00	1,640.00
2	Học phí đào tạo nghề ngắn hạn (I)	2 triệu /hv/khoá	3	1,800	3,600.00	1,200.00	1,200.00	1,200.00		
3	Tập huấn chuyển giao công nghệ (III)	1,5 tr.đ/người/đợt		2,400	3,600.00	1,200.00	1,200.00	1,200.00		
4	Hỗ trợ an sinh			3,600	12,546.00	1,992.00	3,282.00	4,182.00	2,190.00	900.00
4.1	Hệ dài hạn			1,800	10,440.00	1,290.00	2,580.00	3,480.00	2,190.00	900.00
-	Hỗ trợ tiền ăn cho đào tạo cao đẳng nghề	195 ngàn đ/tháng	3 năm	600	3,510.00	390.00	780.00	1,170.00	780.00	390.00
-	Hỗ trợ tiền ăn cho đào tạo trung cấp nghề	195 ngàn đ/tháng	2,5	1,200	5,850.00	780.00	1,560.00	1,950.00	1,170.00	390.00
-	Hỗ trợ sách vở, tài liệu cho đào tạo cao	200 ngàn đ/năm	3 năm	600	360.00	40.00	80.00	120.00	80.00	40.00
-	Hỗ trợ sách vở, tài liệu cho đào tạo Tcấp	200 ngàn đ/năm	2,5	1,200	720.00	80.00	160.00	240.00	160.00	80.00
4.2	Hệ ngắn hạn			1,800	2,106.00	702.00	702.00	702.00		
-	Hỗ trợ tiền ăn cho học nghề ngắn hạn (I)	390 ngàn đ/tháng	3	1,800	2,106.00	702.00	702.00	702.00		
5	Hỗ trợ đào tạo xuất khẩu lao động (II)	2 tr.đ/người/khoá		240	480.00	160.00	160.00	160.00		
6	Chi triển khai thực hiện đề án (II)				400.00	100.00	100.00	100.00	50.00	50.00
	Tổng cộng				64,126.00	10,032.00	16,702.00	21,342.00	11,360.00	4,690.00

Ghi chú: (1) Nguồn theo Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg
 (2), (3) Nguồn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg
 (4) Thực hiện từ nguồn vốn chương trình an sinh xã hội, trích từ ngân sách địa phương và Trung ương
 (5) Thực hiện từ nguồn vốn đào tạo, giải quyết việc làm theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ
 (6) Thực hiện từ nguồn vốn ngân sách địa phương
 (I) Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương 5,706.00
 (II) Nguồn vốn từ ngân sách địa phương 54,820.00
 (III) Nguồn vốn từ các chương trình dự án khác 3,600.00